TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3587/2026/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔ N VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 5 Điều 211 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2779/2026/TLST-VHNGĐ ngày 04/8/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1/ Ông Mai Tân H, sinh ngày 19/3/1995.

Căn cước công dân số 079095003470 cấp ngày 26/12/2021.

Địa chỉ: D Hồ N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 2 Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Mai Yến N, sinh ngày 05/4/1996.

Căn cước công dân số 087196002481 cấp ngày 30/6/2022.

Địa chỉ: 1 H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 6 T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 05/9/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn thuận tình ly hôn và bản tự khai, ông H và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông H và bà N có hai con chung tên Mai Hoàng A, sinh ngày 08/10/2022 và Mai Quỳnh A1, sinh ngày 21/11/2024; thỏa thuận giao hai con

chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 số tiền 3.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng ba triệu đồng) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông H và bà N xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 11/8/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N.

- Về con chung: Ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N có hai con chung tên Mai Hoàng A, sinh ngày 08/10/2022 và Mai Quỳnh A1, sinh ngày 21/11/2024.

Sau khi ly hôn, ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N thỏa thuận giao hai con chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 cho bà Nguyễn Mai Yến N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 đủ 18 tuổi.

Ông Mai Tân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 số tiền 3.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng ba triệu đồng) cho đến khi hai con chung Mai Hoàng A và Mai Quỳnh A1 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003278 ngày 15/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Mai Tân H và bà Nguyễn Mai Yến N đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36,

Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 5 - TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND Phường 1, quận Bình Thạnh (nay là phường Gia Định), TP. HCM;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Văn Thị Ngọc Mỹ